

**ĐẨY MẠNH VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG  
PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP  
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI VIỆT NAM**

**Nguyễn Thị Thanh An<sup>1</sup>**

*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

**Đinh Thị Ngọc Quỳnh**

*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

**Ngày nhận: 09/02/2021; Ngày hoàn thành biên tập: 03/06/2021; Ngày duyệt đăng: 24/06/2021**

**Tóm tắt:** Bài viết nghiên cứu về vai trò của các trường đại học trong phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam thông qua việc khảo sát 22 trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (TTKNĐMST) và 100 doanh nghiệp (DN) tại Việt Nam. Kết quả khảo sát đã cho thấy 4 yếu tố quyết định đến vai trò trung tâm của các trường đại học (ĐH) đối với sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp, bao gồm: (i) Nguồn chất xám, (ii) Nguồn ý tưởng đổi mới sáng tạo, (iii) Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu và (iv) Mạng lưới kết nối cựu sinh viên, kết nối DN. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đề xuất những giải pháp đẩy mạnh vai trò của trường ĐH trong việc phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Trường đại học, Trung tâm khởi nghiệp, Doanh nghiệp, Hệ sinh thái khởi nghiệp, Đổi mới sáng tạo

**PROMOTING THE ROLE OF UNIVERSITIES IN DEVELOPING  
THE INNOVATIVE STARTUP ECOSYSTEM IN VIETNAM**

**Abstract:** By surveying 22 creative innovative startup centers and 100 enterprises in Vietnam, this study examines the role of universities in developing an innovative startup ecosystem. The results show four elements that contribute to the universities' central role in developing an innovative startup ecosystem including grey matter, creative innovative ideas, research facilities and the network between universities and alumni-enterprises. Based on the findings, solutions to promote the role of universities in developing a creative innovative startup ecosystem in Vietnam are suggested.

**Keywords:** University, Startup Center, Enterprise, Startup Ecosystem, Creative Innovation

<sup>1</sup> Tác giả liên hệ, Email: [thanhanjp@ftu.edu.vn](mailto:thanhanjp@ftu.edu.vn)

## 1. Giới thiệu chung

Đổi mới sáng tạo (ĐMST) là nguồn động lực phát triển kinh tế tại tất cả các quốc gia trên thế giới. Tại các nước phát triển, DN khởi nghiệp luôn nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ vì đây chính là nhóm DN có sự thích ứng linh hoạt, tạo ra những đổi mới, sáng tạo về khoa học công nghệ và khoa học quản lý để ứng dụng vào thực tiễn (Nguyễn, 2020). Đặc biệt, nhóm DN này ngày càng thể hiện rõ vai trò trong nền kinh tế số. Hiện nay, trong số những DN đa quốc gia thành công có rất nhiều DN đã tiến hành khởi nghiệp từ DN nhỏ, ví dụ như Lamborghini, Panasonic, Samsung, Nintendo... Việc coi trọng yếu tố công nghệ cao và tính sáng tạo đã lý giải xu hướng phát triển dựa vào nền tảng công nghệ (technology-based) của các dự án khởi nghiệp. Với thế mạnh là nguồn lực tiềm năng của các công nghệ và các ý tưởng sáng tạo, các trường ĐH của các nước trên thế giới tham gia rất tích cực vào hệ sinh thái khởi nghiệp. Thực tế, các trường ĐH danh tiếng trên thế giới như ĐH Tổng hợp Tokyo (Nhật Bản), ĐH Bắc Kinh, ĐH Thanh Hoa (Trung Quốc) đều là những trường ĐH đa ngành, đào tạo và nghiên cứu trong cả hai lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, vì vậy, tại mỗi trường ĐH đều hình thành và phát triển vườn ươm và hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp từ công nghệ tới mô hình quản lý (Đình & cộng sự, 2020).

Tại Việt Nam, với đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844), các chính sách, chương trình và hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đã được triển khai mạnh mẽ. Tuy nhiên, theo thống kê có 90% doanh nghiệp khởi nghiệp có nguy cơ phá sản trong thời gian từ một đến hai năm đầu tiên (Chung, 2018). Nguyên nhân chính là do thiếu kiến thức về quản trị điều hành DN nhỏ và vừa (chiếm 50%), thiếu vốn (chiếm 40%) và thiếu kinh nghiệm thực tế trong môi trường kinh doanh (chiếm 30%), hạn chế về khoa học và công nghệ... (Phạm, 2018). Bên cạnh đó, tại Việt Nam, hoạt động khởi nghiệp phát triển nhanh nhưng phần lớn diễn ra tự phát, chưa có tính hệ thống và sự kết nối chặt chẽ, thậm chí nhiều hoạt động, sự kiện chỉ mang tính “phong trào” mà chưa thực sự giúp ích cho hoạt động của các DN khởi nghiệp. Những khó khăn về thông tin và kết nối với các dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đang hạn chế sự phát triển của các DN cũng như các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp (Vũ & Vũ, 2020). Thực tế cho thấy, vai trò của trường ĐH trong hệ sinh thái khởi nghiệp còn rất khiêm tốn. Phần lớn các trường mới tập trung bồi dưỡng và hỗ trợ sinh viên tham gia các cuộc thi khởi nghiệp chứ chưa có một định hướng hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và chưa có sự kết nối thực sự với các DN khởi nghiệp.

Do đó, các tác giả đã nghiên cứu tổng quan những nhân tố ảnh hưởng tới vai trò của trường ĐH trong phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) qua đó đề xuất được giải pháp đẩy mạnh vai trò của các trường ĐH trong phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp này tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu bằng phiếu điều tra các TTKNĐMST và các DN tại ba miền Bắc, Trung

và Nam trong tháng 1 năm 2021. Các trường ĐH, DN hoặc các tổ chức xã hội thành lập các TTKNĐMST trong giai đoạn 2010-2020. Nhóm do các trường ĐH thành lập thuộc cả khối trường công lập, tư thục và cao đẳng nghề trong cả hai lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Thực tế đã có rất nhiều nghiên cứu tại Việt Nam và trên thế giới liên quan đến đẩy mạnh vai trò của trường ĐH trong quá trình phát triển hệ sinh thái KNĐMST. Các công trình tập trung vào một số hướng chính sau đây:

Trước hết, vai trò của trường ĐH trong mối quan hệ với DN đã được nhà triết học Đức Wilhelm Humboldt nghiên cứu từ thế kỷ thứ 19. Triết lý giáo dục của ông đã được áp dụng vào trường ĐH Humboldt (đổi tên từ ĐH Berlin năm 1949) và đưa ngôi trường này thành nơi đào tạo của các vĩ nhân, trong đó có hai nhà sáng lập chủ nghĩa Mác: Karl Marx và Friedrich Engels. Đến đầu những năm 1990, một lý thuyết luận giải về vai trò của trường ĐH có tiếng vang rất lớn và đó chính là Lý thuyết Mô hình “Ba vòng xoắn ốc” (triple helix) hay còn gọi là Mô hình Ba Nhà của Etzkowitz & Leydesdorff (1995). Sau đó, Etzkowitz tiếp tục cùng Ranga (2013) nghiên cứu về “Mô hình Ba Nhà trong xã hội tri thức”. Nghiên cứu về hệ sinh thái KNĐMST của các nước đang phát triển, bao gồm cả Trung Quốc thì phải kể đến những công trình của Fiaz (2013), Guimón (2013), Rupika & Singh (2016)... Tất cả các nghiên cứu này đều khẳng định vai trò của trường ĐH trong hệ sinh thái khởi nghiệp. Các tác giả cũng đã đưa ra các mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ sinh thái này, trong đó các trường ĐH là một yếu tố đặc biệt quan trọng. Cùng với những nghiên cứu về lý thuyết, cũng có tương đối nhiều những nghiên cứu phân tích kinh nghiệm của các quốc gia cụ thể đã thành công trong phát triển hệ sinh thái KNĐMST nhờ phát huy vai trò của trường ĐH. Có thể kể đến là những nghiên cứu của Gulbrandsen & Nerdrum (2007), Ranga & cộng sự (2013), Tijssen & cộng sự (2017).

Bên cạnh đó, khá nhiều các công trình đã phân tích về hệ sinh thái khởi nghiệp, cũng như ĐMST tại Việt Nam. Sau khi Chính phủ ban hành Đề án 844, những nghiên cứu về hệ sinh thái khởi nghiệp ngày càng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Trong đó, có thể kể đến những phân tích về hệ sinh thái khởi nghiệp, cũng như vai trò của trường ĐH trong hệ sinh thái này của Nguyễn & Đào (2014), Nguyễn & Cao (2017a, 2017b), Nguyễn & Nguyễn (2017), Đinh (2016).

Không chỉ phân tích chung về hệ sinh thái KNĐMST, tại Việt Nam cũng đã có một số nghiên cứu tập trung phân tích về khởi nghiệp của sinh viên tại các trường ĐH như Trần & Dương (2020), Đinh & cộng sự (2020). Nghiên cứu của Đinh & cộng sự (2020) đã cung cấp thông tin và những kinh nghiệm về khởi nghiệp của sinh viên tại những trường ĐH của các nước Châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc. Nghiên cứu của Trần & Dương (2020) lại phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới năng

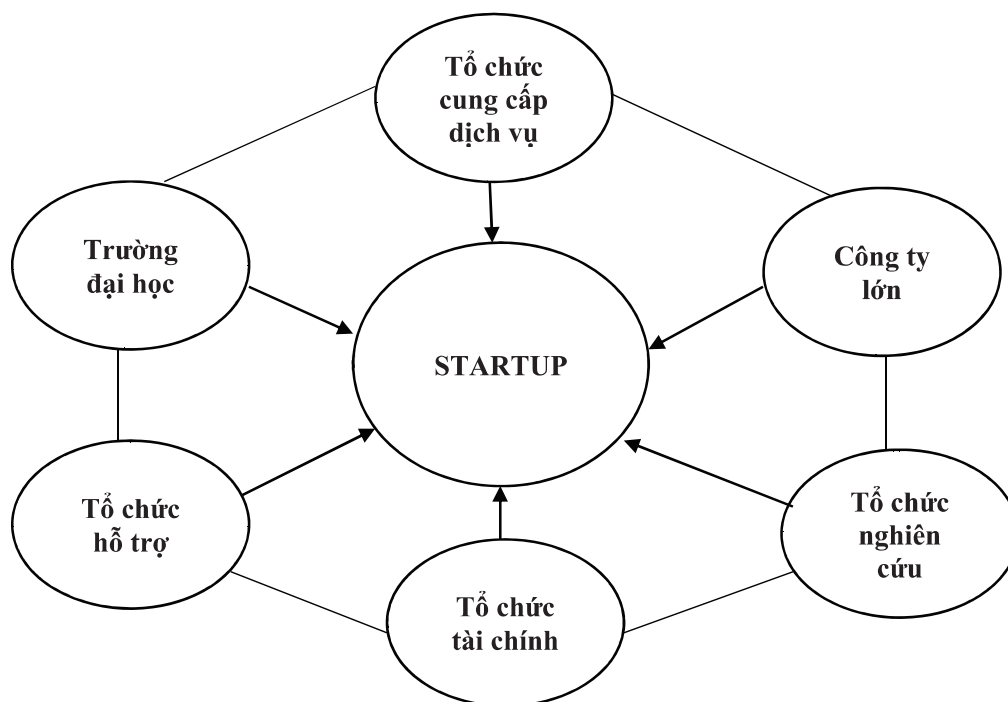
lực khởi nghiệp của sinh viên ĐH Việt Nam, trong đó đối tượng nghiên cứu cụ thể là sinh viên Trường ĐH Ngoại thương.

Tuy nhiên, tại Việt Nam vẫn chưa có một nghiên cứu nào tiến hành khảo sát cụ thể các chủ thể cùng tham gia hệ sinh thái khởi nghiệp để thực chứng vai trò của trường ĐH trong hệ sinh thái. Do vậy, trong bài viết này, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát thực chứng lý thuyết và phỏng vấn chuyên sâu các TTKNĐMST do các trường ĐH, các DN hoặc các tổ chức xã hội thành lập tại Việt Nam.

### 3. Cơ sở lý thuyết về vai trò của trường đại học trong phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp

#### 3.1 Các cách tiếp cận về khái niệm hệ sinh thái khởi nghiệp

Gần đây, khái niệm về hệ sinh thái khởi nghiệp được sử dụng rộng rãi trong bối cảnh sáng tạo và kinh doanh. Mặc dù không có định nghĩa riêng, chính thức về hệ sinh thái khởi nghiệp và thuật ngữ này được sử dụng theo nhiều cách khác nhau, song về cơ bản, nó đề cập đến một khu vực địa lý cụ thể hoặc “điểm nóng” (ví dụ như Thung lũng Silicon) với sự tập trung đông đảo các công ty và DN khởi nghiệp. Không gian của hệ sinh thái khởi nghiệp có thể thay đổi từ một số tòa nhà cho đến cả một quốc gia. Ví dụ, Báo cáo Xếp hạng Hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu được coi là phân tích tổng hợp quốc tế toàn diện nhất, trong đó định nghĩa hệ sinh thái khởi nghiệp là “một khu vực đô thị hoặc khu vực địa lý (bán kính khoảng 100 km) có sử dụng chung các nguồn lực” (Dominic, 2018).



Hình 1. Mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp

Nguồn: ITP (2018)

Giống như các hệ sinh thái tự nhiên, một đặc điểm của hệ sinh thái khởi nghiệp là sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thực thể đa dạng trong hệ sinh thái đó. Nói cách khác, các hệ sinh thái không phải đề cập đến các cá nhân hoặc nhóm các nhân, mà phản ánh cách tiếp cận tổng quan mối quan hệ giữa các chủ thể này. Các thành viên chính của hệ sinh thái khởi nghiệp chính là các DN khởi nghiệp. Các thành viên khác được coi là một phần của hệ sinh thái, bao gồm: các quỹ và các nhà đầu tư, các vườn ươm, các chương trình tăng tốc khởi nghiệp (accelerator) và các nhà cung cấp dịch vụ khác (cả nhà nước và tư nhân), cũng như các quá trình, các sự kiện và các thực thể khác (như các cuộc gặp gỡ trao đổi, các cuộc thi).

Tại Việt Nam, theo Đề án 844 của Bộ Khoa học và Công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp được hiểu là "tổng hợp các mối liên kết chính thức và phi chính thức giữa các chủ thể khởi nghiệp (đã tồn tại hoặc tiềm năng), các tổ chức khởi nghiệp (công ty, nhà đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần, hệ thống ngân hàng,...), các cơ quan liên quan (trường ĐH, các cơ quan nhà nước, các quỹ đầu tư công) và tiến trình khởi nghiệp (tỉ lệ thành lập DN, số lượng DN có tỉ lệ tăng trưởng tốt, số lượng các nhà khởi nghiệp, tinh thần bán hàng và tham vọng kinh doanh) tác động trực tiếp đến môi trường khởi nghiệp tại địa phương" (ISEV, 2020). Mỗi ngành dọc có một hệ sinh thái khởi nghiệp tương ứng riêng, giữa các hệ sinh thái khởi nghiệp có phần giao nhau. Sức mạnh của hệ sinh thái khởi nghiệp tùy thuộc vào sự gắn kết chặt chẽ của các thành phần bên trong hệ sinh thái khởi nghiệp.

Như vậy, hệ sinh thái khởi nghiệp là một thuật ngữ chỉ một cộng đồng bao gồm các chủ thể là các DN khởi nghiệp, các bên liên quan đóng vai trò hỗ trợ (các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, các trường ĐH/viện nghiên cứu, nhà cung cấp dịch vụ, các DN lớn, các tổ chức tài trợ vốn) cùng tồn tại, chia sẻ và bổ sung cho nhau, tạo nên một môi trường thuận lợi thúc đẩy sự hình thành và tăng trưởng nhanh của các DN khởi nghiệp sáng tạo. Nhà nước có vai trò hỗ trợ, tạo dựng môi trường pháp lý cho hệ sinh thái khởi nghiệp phát triển.

### **3.2 Vai trò của trường đại học**

Theo Luật Giáo dục 2019, mục tiêu giáo dục ĐH của Việt Nam được quy định ở Điều 39. Thứ nhất, đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Thứ hai, đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân (Chính phủ, 2019). Những mục tiêu giáo dục ĐH này là thống nhất cho tất cả các cơ sở giáo dục ĐH, bao gồm các trường ĐH công lập, trường ĐH tư thục và trường cao đẳng.



Như vậy có thể thấy, trong hệ sinh thái khởi nghiệp, vai trò của trường ĐH sẽ là: (1) Đào tạo và phát triển nhân tài, nguồn nhân lực bao gồm cả doanh nhân khởi nghiệp, các nhà quản lý và các nhà chuyên môn - đây là nhiệm vụ chính của trường ĐH; (2) Cung cấp điều kiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm cho các DN/dự án khởi nghiệp; và (3) Cung cấp công nghệ để các DN khởi nghiệp tăng trưởng nhanh.

Vai trò này được phát huy có hiệu quả hay không phụ thuộc vào chiến lược phát triển, định hướng tầm nhìn của từng cơ sở giáo dục ĐH chứ không liên quan đến loại hình sở hữu của cơ sở giáo dục đó. Trong quá trình khảo sát, tại Đà Nẵng, nhóm tác giả nhận thấy, trong khi hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của ĐH Đà Nẵng - một ĐH công lập rất lớn tại khu vực miền Trung nhưng chưa thực sự tạo được điểm nhấn, thì hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của trường ĐH Duy Tân - một ĐH tư thục lại rất năng động. Còn tại Hà Nội, hoạt động hỗ trợ KNNĐMST của các trường ĐH công lập cũng khá sôi nổi với những điển hình như BK Holdings (Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội), Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo - FIIS (Trường ĐH Ngoại thương).

### **3.3 Cơ sở lý thuyết**

#### *3.3.1 Triết lý của Willhelm von Humboldt*

Ý tưởng liên kết, hợp tác giữa cơ sở giáo dục ĐH và DN được nhà triết học Đức Willhelm Humboldt đề xướng. Năm 1810, ông sáng lập trường Đại học Berlin với điểm khác biệt so với các trường ĐH tại thời điểm đó chính là chuyển trọng tâm sang nghiên cứu hỗ trợ hoạt động đào tạo, đặc biệt phát triển các lĩnh vực công nghệ phục vụ cho mục đích dân sự và quân sự, góp phần đưa nước Đức trở thành quốc gia phát triển trên thế giới (Ngô & cộng sự, 2011). Hiện nay, khi công nghệ ngày càng đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế thì hợp tác giữa cơ sở giáo dục ĐH và DN ngày càng trở thành xu hướng mới. Nhiều quốc gia đang tìm cách tăng cường khả năng cạnh tranh kinh tế toàn cầu bằng cách xây dựng một “nền kinh tế tri thức”. Một cách tiếp cận phổ biến là hỗ trợ các liên kết trao đổi kiến thức giữa cơ sở giáo dục ĐH với DN. Năng lực của một quốc gia để tạo ra sự giàu có phụ thuộc nhiều vào đầu tư mà quốc gia đó cam kết trong quá trình củng cố “tam giác tri thức”, bao gồm nghiên cứu, giáo dục và đổi mới. Tại các quốc gia phát triển, hầu hết những cải tiến công nghệ mang lại hiệu quả kinh tế đều liên quan tới các trường ĐH thông qua các hoạt động chia sẻ tri thức, nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ. Do vậy, vai trò của cơ sở giáo dục ĐH đối với DN tiếp tục được đề cao. Hơn nữa, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh khốc liệt, vai trò của các trường ĐH ngày càng được đẩy mạnh. Các cơ sở giáo dục ĐH không chỉ dừng lại ở vai trò truyền thống như thực hiện chức năng đào tạo và nghiên cứu mà các cơ sở cần phải tương tác, phối hợp với những đối tác khác để phát triển. Vì vậy, hợp tác giữa cơ sở giáo dục ĐH và DN là nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế của một quốc gia nói riêng và phát triển kinh tế khu vực nói chung. Trong môi trường phát

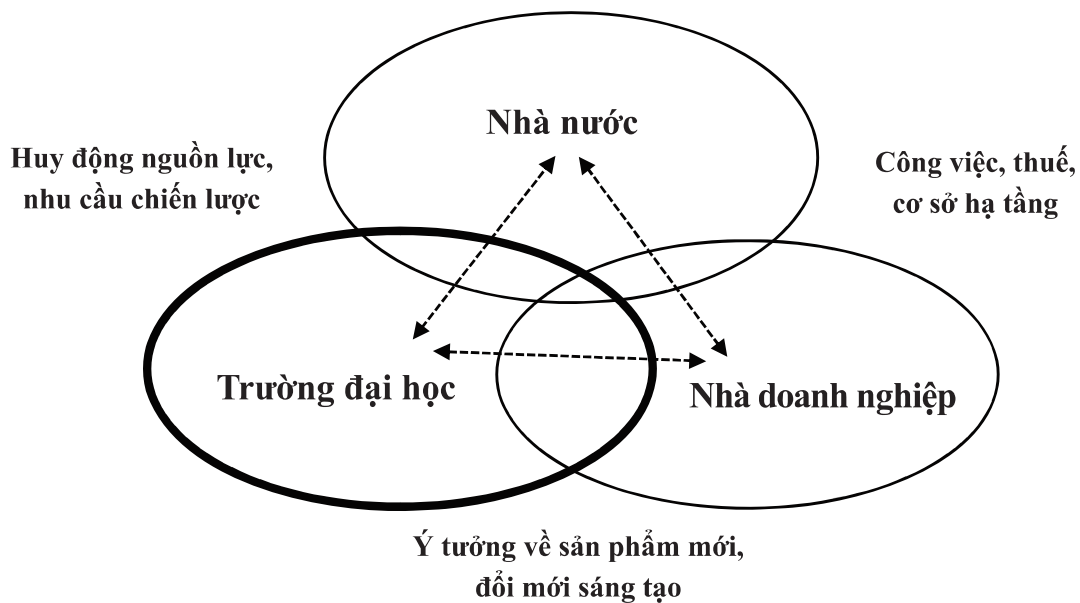
triển kinh tế năng động ngày nay, điều quan trọng là các DN và các tổ chức khu vực công phải liên tục đổi mới sản phẩm, quy trình và dịch vụ. Sự hợp tác giữa các cơ sở giáo dục ĐH và DN cung cấp nền tảng hoàn hảo cho sự đổi mới. Bằng cách làm việc với một đối tác ĐH, các DN có thể tiếp cận với các chuyên gia và kỹ thuật tiên tiến, cho phép phát triển các phương pháp tiếp cận mới. Tương tự, hợp tác với DN cho phép các cơ sở giáo dục kiểm tra ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong thực tiễn và dự báo cho nghiên cứu trong tương lai (Đình, 2016).

### **3.3.2 Mô hình Ba Nhà (triple helix)**

Mô hình “Ba vòng xoắn ốc” (triple helix) phân tích vai trò hợp tác thông qua mối quan hệ giữa các trường ĐH - DN - Chính phủ vào giữa những năm 1990. Etzkowitz & Leydesdorff (1995) xây dựng mô hình này dựa trên các công trình nghiên cứu chuyển đổi từ mối quan hệ DN - Nhà nước vốn chiếm ưu thế trong xã hội công nghiệp sang mối quan hệ ba bên giữa trường ĐH - DN - Chính phủ trong xã hội tri thức. Trọng tâm của Mô hình Ba Nhà là tiềm năng đổi mới và phát triển kinh tế trong một xã hội tri thức với vai trò dẫn đường của trường ĐH và các tổ chức trung gian hình thành từ các yếu tố thuộc trường ĐH, DN và chính phủ để tạo ra những định dạng xã hội mới cho sản xuất, chuyển giao và áp dụng kiến thức. Tương tác song phương giữa các cặp đối tác: Nhà trường - Nhà nước, Nhà trường - Nhà DN và Nhà nước - Nhà DN ngày càng tăng thông qua cách thức mỗi chủ thể dần chia sẻ vai trò với các chủ thể còn lại. Quan hệ song phương giữa chính phủ và trường học, trường học và DN và giữa chính phủ và DN đã mở rộng sang mối quan hệ bộ ba trong các lĩnh vực, đặc biệt là ở cấp khu vực/địa phương. Quan hệ Nhà trường - Nhà DN - Nhà nước xuất phát từ điểm khởi đầu thể chế khác nhau ở các khu vực khác nhau trên thế giới, nhưng đều hướng đến một mục đích chung là kích thích phát triển kinh tế dựa trên tri thức. Mô hình Ba Nhà chính là thể chế với cấu trúc mới để thúc đẩy sự đổi mới, trong đó nhà trường đóng vai trò dẫn đường. Động lực của xã hội đã thay đổi chuyển từ ranh giới giữa từng lĩnh vực và tổ chức riêng biệt thành một hệ thống đan xen và linh hoạt hơn. Sự thay đổi của các trường ĐH đóng một vai trò quan trọng trong sự đổi mới thông qua việc mở rộng từ nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu truyền thống sang hướng mới tập trung vào sự phát triển kinh tế - xã hội (Nguyễn & Nguyễn, 2017).

Trong Mô hình Ba Nhà, các trường ĐH giữ vai trò dẫn đường, tìm kiếm các tiềm năng công nghệ của họ và chuyển đổi thành các sản phẩm thương mại. Các trường ĐH trở thành nguồn cung cấp công nghệ, nguồn nhân lực và kiến thức. Ngoài việc cung cấp những ý tưởng mới cho các DN hiện có, các trường còn sử dụng khả năng nghiên cứu và giảng dạy trong các lĩnh vực tiên tiến của khoa học và công nghệ để tạo thành các DN mới. Khi trường ĐH tham gia vào quá trình chuyển giao công nghệ và thành lập công ty thì từ đó sẽ đạt đến một bản sắc kinh doanh mới. Trong khi ý tưởng thành lập các DN mới thường đến từ những người có kinh nghiệm làm việc trong các DN lớn và nhỏ khác nhau, các dự án nghiên cứu ở trường học đang

gia tăng là nguồn cung cấp các ý tưởng thành lập công ty mới về cả số lượng và phạm vi, từ công nghệ sinh học cho đến tài chính. Vai trò của trường ĐH trong việc thành lập các công ty mới trước đây được xem là một sự ngẫu nhiên thì giờ đây đang ngày càng trở thành một chức năng phổ biến của thương mại tri thức. Hơn nữa, trong các chương trình tập huấn doanh nhân thông qua quá trình khởi nghiệp, nhà trường chính là tổ chức triển khai hoạt động giảng dạy. Sự chuyển đổi của một công ty dựa trên tri thức từ phi chính thức sang chính thức được đánh giá như là một giai đoạn của quá trình phát triển DN. Bên cạnh phát minh dựa trên nghiên cứu, các DN cũng phải cập nhật và tìm kiếm hỗ trợ hợp tác từ các nguồn bên ngoài như các nhà nghiên cứu và kỹ sư độc lập, cũng như các tổ chức độc lập để đáp ứng được yêu cầu của từng lĩnh vực công nghiệp và nhà trường.



**Hình 2. Trường đại học trong mô hình liên kết Ba chủ thể phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu phát triển nhanh chóng, cách mạng khoa học công nghệ đã đem lại nhiều thành tựu to lớn, tại mỗi quốc gia, mối quan hệ giữa cơ sở giáo dục và DN ngày càng trở nên quan trọng, góp phần tạo ra nhiều giá trị mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia. Có nhiều hình thức hợp tác giữa các cơ sở giáo dục ĐH và DN như tham gia vào các mạng lưới xã hội, các cuộc họp chung, hội thảo, hoặc hoạt động đào tạo. Sự hợp tác ngắn hạn thường hướng đến giải quyết vấn đề theo yêu cầu và có xu hướng liên quan đến các hoạt động như các buổi đào tạo một lần, tư vấn, kiểm tra và thử nghiệm hoạt động R&D. Sự hợp tác lâu dài thường bao gồm các dự án R&D chung mang tính chiến lược và cởi mở hơn, tạo một nền tảng vững chắc cho trường ĐH và DN để phát triển các hoạt động ĐMST.



#### **4. Phương pháp nghiên cứu và số liệu**

Nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra bảng hỏi kết hợp phỏng vấn trực tiếp và thực địa tại các trường ĐH tại Việt Nam. Đối tượng điều tra gồm hai nhóm đối tượng là những thành phần quan trọng trong hệ sinh thái khởi nghiệp, đó là các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo (TTKNST) đóng vai trò ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp và các DN trong hệ sinh thái khởi nghiệp.

Nhóm 1 gồm 22 TTKNĐMST trên toàn quốc dựa theo danh sách trong cuốn “Tài liệu tham khảo hỗ trợ khởi nghiệp dành cho cán bộ khởi nghiệp” thuộc Đề án 1665 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), bao gồm cả trung tâm do các trường ĐH, cũng như các trung tâm do các DN hoặc các tổ chức xã hội thành lập, trong đó có 14 trung tâm do trường ĐH thành lập, 8 trung tâm do DN hoặc tổ chức xã hội thành lập. Đây là những trung tâm đã có bề dày hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, nhiều dự án khởi nghiệp được ươm tạo từ các trung tâm này đã nhận được các giải thưởng về khởi nghiệp cũng như kêu gọi được vốn đầu tư để chuyển giao công nghệ thương mại hóa sản phẩm. Có thể kể tên những trung tâm hoạt động rất hiệu quả như BK Holdings (Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội), Trung tâm Ươm tạo DN Công nghệ (Trường ĐH Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM)), Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (ĐH Huế), Trung tâm FIIS (Trường ĐH Ngoại thương), Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp Hà Nội, Công ty Cổ phần Trung tâm Ươm tạo khởi nghiệp Sông Hàn, Trung tâm Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp TP.HCM (BSSC), Vườn ươm DN công nghệ cao TP.HCM... Với các trung tâm này, nhóm nghiên cứu đã trực tiếp phỏng vấn và lấy phiếu khảo sát.

Nhóm 2 gồm 100 DN tham gia trong hệ sinh thái khởi nghiệp. Phạm vi điều tra ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam, bao gồm các địa phương như Hà Nội, Đà Nẵng, Huế và TP.HCM. Nhóm tác giả đã gửi phiếu khảo sát và thu lại 100 phiếu từ 100 DN ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Chúng tôi đã thiết kế 3 mẫu phiếu khác nhau dành cho 3 đối tượng nghiên cứu, nội dung phiếu hỏi và các câu phỏng vấn có sự khác nhau ở từng đối tượng, tuy nhiên nội dung chính thống nhất ở các mẫu phiếu tập trung làm rõ vai trò của các trường ĐH trong việc hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp.

Sau khi có kết quả từ các phiếu điều tra, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích thống kê để có được kết quả tổng hợp phân tích vai trò của trường ĐH trong hệ sinh thái KNĐMST.

#### **5. Kết quả nghiên cứu**

##### **5.1 Kết quả thống kê số liệu điều tra**

Kết quả thống kê số liệu điều tra liên quan đến vai trò của trường ĐH trong hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam do nhóm tác giả triển khai phỏng vấn được thể hiện ở Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3 như dưới đây.

**Bảng 1. Kết quả điều tra các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do các trường đại học thành lập tại Việt Nam**

<b>Câu hỏi</b>	<b>Câu trả lời và tỷ lệ (%)</b>			
1. Sau khi thành lập đơn vị có nhận được sự hỗ trợ gì từ trường ĐH hay không	<i>Có nhiều</i>	<i>Có nhưng không nhiều</i>	<i>Không có</i>	
	71,4	14,3	7,1	
2. Đánh giá hiệu quả hỗ trợ của các cơ sở giáo dục ĐH tới hoạt động của đơn vị	<i>Tốt</i>	<i>Chưa tốt</i>	<i>Chưa hỗ trợ</i>	
Về công nghệ	64,3	14,3	14,3	
Về vốn	35,7	35,7	14,3	
Về quản lý kinh doanh	35,7	14,3	21,4	
3. Đánh giá mức độ cần thiết của việc hỗ trợ từ trường ĐH	<i>Vô cùng cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Tương đối cần thiết</i>	<i>Không cần thiết</i>
Về công nghệ	78,6	14,3	7,1	-
Về vốn	78,6	14,3	7,1	-
Về quản lý kinh doanh	71,4	28,6	-	-
4. Kỳ vọng đối với trường ĐH (có 1 đơn vị không trả lời vì quy mô còn nhỏ, chưa có kỳ vọng gì)	<i>Vô cùng cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Tương đối cần thiết</i>	<i>Không cần thiết</i>
Nghiên cứu khoa học, đề xuất giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	78,6	14,3	-	-
Huy động, khai thác nguồn lực phục vụ hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	85,7	7,1	-	-
Tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực của tổ chức, cá nhân, DN khởi nghiệp ĐMST	78,6	14,3	-	-
Tìm kiếm, hỗ trợ tiếp cận với các nguồn tài chính hỗ trợ dự án khởi nghiệp	92,9	-	-	-
Đào tạo kiến thức, tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập, kết nối hoạt động tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST trong nước với cộng đồng quốc tế	71,4	7,1	-	14,3
Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học phục vụ khởi nghiệp ĐMST	64,3	21,4	7,1	-

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

**Bảng 2. Kết quả điều tra các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do các chủ thể khác thành lập tại Việt Nam**

<b>Câu hỏi</b>	<b>Câu trả lời và tỷ lệ (%)</b>			
1. Đơn vị có hợp tác với cơ sở giáo dục ĐH không?	<i>Có nhiều</i>	<i>Có nhưng không nhiều</i>	<i>Không có</i>	
	62,5	37,5	0	
2. Đánh giá hiệu quả hỗ trợ của các cơ sở giáo dục ĐH tới hoạt động của đơn vị	<i>Tốt</i>	<i>Chưa tốt</i>	<i>Chưa hỗ trợ</i>	
Về công nghệ	50,0	25,0	25,0	
Về vốn	50,0	25,0	25,0	
Về quản lý kinh doanh	50,0	25,0	25,0	
3. Đánh giá mức độ cần thiết của việc hỗ trợ từ trường ĐH	<i>Vô cùng cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Tương đối cần thiết</i>	<i>Không cần thiết</i>
Về công nghệ	87,5	12,5	-	-
Về vốn	75,0	12,5	-	12,5
Về quản lý kinh doanh	75,0	12,5	12,5	-
4. Kỳ vọng đối với trường ĐH	<i>Vô cùng cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Tương đối cần thiết</i>	<i>Không cần thiết</i>
Nghiên cứu khoa học, đề xuất giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	87,5	12,5	-	-
Huy động, khai thác nguồn lực phục vụ hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	87,5	12,5	-	-
Tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực của tổ chức, cá nhân, DN khởi nghiệp ĐMST	62,5	37,5	-	-
Tìm kiếm, hỗ trợ tiếp cận với các nguồn tài chính hỗ trợ dự án khởi nghiệp	75,0	12,5	-	12,5
Đào tạo kiến thức, tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập, kết nối hoạt động tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST trong nước với cộng đồng quốc tế	50,0	37,5	-	12,5
Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học phục vụ khởi nghiệp ĐMST	50,0	37,5	-	12,5

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

**Bảng 3. Kết quả điều tra các doanh nghiệp trong hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam**

Câu hỏi	Câu trả lời và tỷ lệ (%)			
	Tốt	Chưa tốt	Chưa hỗ trợ	
1. Đánh giá hiệu quả hỗ trợ của các cơ sở giáo dục ĐH tới hoạt động của đơn vị				
Về công nghệ	71	1	28	
Về nguồn lực	48	1	51	
Về quản lý kinh doanh	71	1	28	
2. Đánh giá mức độ cần thiết của việc hỗ trợ từ trường ĐH	<i>Vô cùng cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Tương đối cần thiết</i>	<i>Không cần thiết</i>
Về công nghệ	20	57	23	-
Về nguồn lực	22	47	13	18
Về quản lý kinh doanh	20	50	18	12

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

## 5.2 Thảo luận kết quả nghiên cứu

### 5.2.1 Nhận định chung

Qua những kết quả nêu trên, nhóm tác giả nhận thấy được thực trạng vị trí của trường ĐH trong hệ sinh thái khởi nghiệp, những mong muốn kỳ vọng của các chủ thể quan trọng trong hệ sinh thái khởi nghiệp dành cho trường ĐH, cụ thể như sau:

(1) Trên 70% số TTKNST do trường ĐH thành lập và trên 60% số TTKNST không phải do trường ĐH thành lập có nhiều hợp tác với các trường ĐH.

(2) Thế mạnh hợp tác của các trường ĐH vẫn là công nghệ. Có 64,3% số TTKNST do trường ĐH thành lập và 50% số TTKNST không phải do trường ĐH thành lập xác nhận hợp tác tốt với trường ĐH trong lĩnh vực công nghệ. So với lĩnh vực công nghệ, hợp tác về vốn và quản lý chưa thực sự được tốt.

(3) Trên 90% số trung tâm khởi nghiệp (gộp cả hai loại hình) và trên 67% số DN cho rằng việc hợp tác với trường ĐH trong các lĩnh vực công nghệ, vốn và quản lý là cần thiết hoặc rất cần thiết.

(4) Về lý do cần thiết phải hợp tác với trường ĐH, ý kiến thống nhất của cả các TTKNĐMST và các DN là như sau:

*Thứ nhất*, trường ĐH có nhiều tài năng và nguồn chất xám đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái khởi nghiệp nên hợp tác với trường ĐH giúp các chủ thể khác trong hệ sinh thái có cơ hội tiếp cận với nguồn chất xám đó. *Thứ hai*, trường ĐH là nguồn cung các ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo từ sinh viên do đó giúp các TTKNĐMST có được các ý tưởng tốt để ươm tạo chuyển giao cho DN. *Thứ ba*, trường ĐH có cơ sở vật chất nghiên cứu như phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu

nên sẽ giúp cho các dự án khởi nghiệp cũng như các DN khởi nghiệp có nơi thực hành ý tưởng. *Thứ tư*, trường ĐH có mạng lưới kết nối với sinh viên, giảng viên và cựu sinh viên nên sự đồng hành của trường ĐH sẽ hỗ trợ được các DN khởi nghiệp về công nghệ và quản lý DN trong giai đoạn đầu khó khăn.

Về sự kỳ vọng của các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp dành cho trường ĐH, có thể nêu lên một số hoạt động chính. *Thứ nhất*, mong muốn các trường ĐH tìm kiếm, hỗ trợ các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp tiếp cận với các nguồn tài chính hỗ trợ dự án khởi nghiệp. *Thứ hai*, nghiên cứu khoa học, đề xuất giải pháp hỗ trợ KNĐMST. *Thứ ba*, huy động, khai thác nguồn lực phục vụ hỗ trợ KNĐMST. *Thứ tư*, tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực của tổ chức, cá nhân, DN KNĐMST.

### 5.2.2 Kiểm chứng nhận định qua trường hợp cụ thể

Nhóm tác giả đã kiểm chứng lại những nhận định nêu ra ở phần 5.2.1 thông qua Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo ĐH Huế. Trung tâm này thành lập tháng 9 năm 2017, ban đầu là trung tâm thuộc đơn vị, sau đó được nâng cấp thành đơn vị trực thuộc ĐH Huế vào ngày 17/02/2020. Với nguồn vốn 800 triệu đồng/năm được hỗ trợ từ trường ĐH Huế (Quỹ lương thường xuyên), nguồn nhân lực là 8 người, Trung tâm thực hiện các hoạt động trong các lĩnh vực như sau: (i) Đào tạo kiến thức khởi nghiệp, (ii) Ươm tạo các dự án khởi nghiệp, (iii) Các sự kiện KNĐMST (workshop, talkshow...), (iv) Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp, và (v) Tổ chức ngày hội kết nối khởi nghiệp. Đến nay, Trung tâm đã có 81 dự án startup, 37 lớp đào tạo khởi nghiệp, 70 DN kết nối và 405 học viên có chứng chỉ khởi nghiệp. Tiến sĩ Hoàng Kim Toàn, Giám đốc Trung tâm cho biết thành tích năm 2020 của Trung tâm như sau:

(1) Đã tổ chức được 5 khóa đào tạo giảng viên nguồn về KNĐMST cho 300 cán bộ, giảng viên tại các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp khu vực Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

(2) Đã tổ chức 4 khóa huấn luyện nâng cao năng lực cố vấn khởi nghiệp cho 120 lãnh đạo các doanh nghiệp, cán bộ, giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, tổ chức chính trị xã hội khu vực các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

(3) Đã tổ chức 3 khóa huấn luyện nâng cao năng lực phát triển DN khởi nghiệp, trong đó 2 khóa dành cho cán bộ, giảng viên có các sản phẩm khoa học công nghệ tiềm năng, 1 khóa dành cho sinh viên đã và đang thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển các ý tưởng khởi nghiệp.

(4) Đã tổ chức 2 khóa huấn luyện nâng cao năng lực xây dựng hệ sinh thái KNĐMST, 2 khóa huấn luyện năng lực chuyển giao tri thức và công nghệ vào startup cho cán bộ giảng viên, chuyên viên, nghiên cứu viên thuộc các trường ĐH,



cao đẳng, trung cấp, viện nghiên cứu và tổ chức chính trị - xã hội tại các tỉnh khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

(5) Tổ chức chuỗi hội nghị chuyên đề về cố vấn khởi nghiệp gồm 4 hội thảo về hoạt động cố vấn khởi nghiệp trong các giai đoạn khác nhau của một dự án khởi nghiệp, mỗi hội thảo thu hút sự tham dự của 200 người. Đối tượng tham dự là lãnh đạo các DN, cán bộ, giảng viên và sinh viên các trường ĐH, cao đẳng trung cấp, tổ chức chính trị xã hội khu vực các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Có được kết quả như trên là do Trung tâm nhận được sự quan tâm và đầu tư tổng thể của Ban lãnh đạo ĐH Huế. Nhờ có sự hỗ trợ tốt về công nghệ, cơ sở vật chất, chi phí nhân sự, có các chủ trương chính sách kịp thời đúng đắn của ĐH Huế mà Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo ĐH Huế đã phát triển được hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo không chỉ cho tỉnh Thừa Thiên Huế mà còn lan rộng ra các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Chuyến khảo sát tại Huế đã cho thấy rõ ràng vai trò quyết định của trường ĐH trong việc hình thành và phát triển các TTKNĐMST và hệ sinh thái KNĐMST tại khu vực.

Mặc dù đã đạt được nhiều thành quả nhưng Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo ĐH Huế cũng gặp rất nhiều khó khăn. Trong đó có thể kể tới là khó khăn trong việc thương mại hóa sản phẩm. Tiến sĩ Toàn cho biết sự hợp tác giữa 3 bên Nhà khoa học - Trường ĐH - DN còn chưa cao. Cơ chế chuyển giao công nghệ (CGCN) từ trường ĐH cho DN còn chưa rõ ràng nên còn khó khăn trong quá trình thương mại hóa các sản phẩm công nghệ. Cũng vì việc hợp tác giữa trường ĐH và DN chưa được triển khai tốt nên chưa có nhiều đặt hàng từ phía DN, số ý tưởng của giảng viên, sinh viên có thể thương mại hóa còn rất ít. Trung tâm cũng mong muốn phía trường ĐH (ĐH Huế) sẽ tạo điều kiện tổ chức nghiên cứu khoa học, huy động khai thác nguồn lực phục vụ hỗ trợ KNĐMST, tìm kiếm, hỗ trợ CGCN, hỗ trợ tiếp cận với các nguồn tài chính hỗ trợ dự án khởi nghiệp, đào tạo kiến thức, kết nối hoạt động KNĐMST trong nước với cộng đồng quốc tế.

Với kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, hoàn toàn có thể khẳng định vai trò trung tâm nền tảng của trường ĐH trong hệ sinh thái khởi nghiệp, đồng thời cũng phân tích được thực trạng vị trí hiện nay của các trường ĐH trong hệ sinh thái khởi nghiệp, thấy rõ rằng các trường ĐH chưa phát huy được vai trò quan trọng thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp phát triển.

## **6. Một số giải pháp đẩy mạnh vai trò của các trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam**

Theo Mô hình Ba Nhà được trình bày ở phần 3.3.2, Nhà trường luôn vận động thay đổi trong mối quan hệ chặt chẽ với Nhà DN và Nhà nước. Những ảnh hưởng tích cực từ Nhà DN và Nhà nước sẽ tạo đà cho những bước phát triển tiếp theo của Nhà trường, qua đó sẽ đẩy mạnh được vai trò của Nhà trường trong hệ sinh thái

KNĐMST. Kết hợp mối quan hệ giữa “Ba Nhà” với kết quả khảo sát, xuất phát từ vai trò của trường ĐH trong hệ sinh thái khởi nghiệp, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất như sau nhằm đẩy mạnh vai trò của các trường ĐH trong hệ sinh thái khởi nghiệp. Đây là những giải pháp được đưa ra dựa trên kết quả phỏng vấn thực tế của nhóm nghiên cứu, không trùng lặp với những nghiên cứu trước đó.

### **6.1 Giải pháp đối với các trường đại học**

*Thứ nhất*, trường ĐH cần thiết phải cập nhật chương trình giảng dạy để đưa nội dung kiến thức khởi nghiệp thành môn học chính thức trong chương trình đào tạo. Theo ý kiến của tiến sĩ Nguyễn Trung Dũng, tổng giám đốc BK Holdings, những quốc gia khởi nghiệp thành công như Hoa Kỳ, Đức, Israel, Singapore... đều có một điểm chung đó là môn học khởi nghiệp được đưa vào giảng dạy từ rất sớm trong các nhà trường, thậm chí là từ bậc phổ thông. Hiện nay, một số trường ĐH có phong trào sinh viên khởi nghiệp phát triển mạnh như Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, ĐH Huế hay Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM đang nghiên cứu đưa môn khởi nghiệp như là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo, thậm chí trở thành điều kiện cần thiết để lấy bằng tốt nghiệp.

*Thứ hai*, trường ĐH cần xây dựng một mạng lưới liên kết chặt chẽ với DN để có thể tìm được các nguồn hỗ trợ, đầu tư cho các dự án khởi nghiệp, đồng thời cũng là đối tác CGCN đưa công nghệ từ trong vườn ươm vào thực tế sản xuất.

*Thứ ba*, để thúc đẩy phong trào khởi nghiệp trong sinh viên, trường ĐH cần đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, có cơ chế phù hợp để huy động các giảng viên thành người cố vấn (mentor) cho các dự án khởi nghiệp của sinh viên. Thực tế cho thấy vì không có cơ chế phù hợp nên các thầy cô cũng không có nhiều cơ hội làm việc cùng sinh viên để theo đuổi các dự án khởi nghiệp cho đến khi thành công.

*Thứ tư*, trường ĐH cần chủ động trong việc giao quyền hạn cũng như nguồn lực cho các TTKNĐMST được thành lập trong trường để các TTKNĐMST xây dựng được không gian sáng tạo khởi nghiệp ĐMST thực sự có hiệu quả. Thực tế khảo sát, nhóm nghiên cứu thấy rằng tại các trường ĐH có cơ chế linh hoạt thì hoạt động KNĐMST được tổ chức bài bản và có hiệu quả. Những ví dụ điển hình có thể nêu ra là BK Holdings (Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội), Trung tâm KN và ĐMST (Trường Đại học Huế), Trung tâm ươm tạo DN Công nghệ (Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM), Trung tâm FIIS (Trường ĐH Ngoại thương), Khu công nghệ phần mềm ITP (ĐH Quốc gia TP.HCM).

### **6.2 Giải pháp đối với doanh nghiệp**

*Thứ nhất*, các DN cần chủ động kết nối với các trường ĐH, đặt hàng những ý tưởng sản phẩm phù hợp với DN. Nhờ vậy, sinh viên và giảng viên có thể nghiên cứu các dự án có tính thực tiễn cao, đảm bảo khả năng CGCN thành công tới DN.

Một ví dụ kết nối thành công giữa DN với trường ĐH là sự hợp tác của Công ty Cổ phần Bông đèn và Phích nước Rạng Đông với Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội.

*Thứ hai*, ngoài việc đặt hàng ý tưởng, các DN nên có mối quan hệ mật thiết với các trường ĐH để có thể chọn những ý tưởng ĐMST phù hợp với lĩnh vực của mình, đầu tư nguồn lực ươm tạo thành dự án khả thi với tư cách là những nhà đầu tư thiên thần. Điều này thực sự cần thiết với hệ sinh thái khởi nghiệp. Rất nhiều dự án khởi nghiệp được hình thành trong trường ĐH có tiềm năng phát triển nhưng thiếu nhà đầu tư thiên thần nên không đi đến được giai đoạn thương mại hóa sản phẩm.

### **6.3 Giải pháp đối với Nhà nước**

Nhà nước đóng vai trò quản lý và điều phối mối quan hệ giữa DN và nhà trường. Để thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp phát triển, Nhà nước cần có chính sách, cơ chế phối hợp chặt chẽ về nguồn lực giữa nhà trường và DN, tạo khung pháp lý và cơ sở sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm CGCN, nhằm giúp các trường ĐH thúc đẩy việc chuyển giao. Hơn nữa, cần có một cơ chế chia sẻ thông tin giữa các chủ thể trong hệ sinh thái, những thông tin quan trọng từ Nhà nước sẽ được chuyển tới nhà trường và DN để tạo động lực liên kết. Xây dựng và phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp năng động cần phải được đưa vào chính sách phát triển quy mô quốc gia để thúc đẩy quá trình liên kết giữa “Ba Nhà”.

## **7. Kết luận**

Để phát triển bền vững hệ sinh thái khởi nghiệp của các quốc gia cần phải bắt đầu từ việc phát triển một thế hệ trẻ - nguồn nhân lực tài năng với tư duy khởi nghiệp trong nền kinh tế số. Chính trường ĐH đóng vai trò quan trọng nhất trong đào tạo và phát triển thế hệ tài năng trẻ và thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp trong môi trường này. Trong bài viết này, nhóm tác giả đã xác định được rằng các chủ thể trong hệ sinh thái đều nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết phải có những hợp tác sâu rộng với các trường ĐH tại Việt Nam. Để phát huy tốt nhất vai trò trong hệ sinh thái đó, các trường ĐH cần không ngừng đổi mới chương trình đào tạo, cần có những sự kết nối hiệu quả với các DN, các tổ chức tài chính và các tổ chức hỗ trợ, đồng thời cũng cần phải có cơ chế phù hợp để khai thác tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao của cả giảng viên và sinh viên nhằm cho ra đời những sản phẩm ĐMST phục vụ phát triển kinh tế. Với sự hỗ trợ của Chính phủ, sự nỗ lực của các trường ĐH và tham gia tích cực của các DN trong hoạt động khởi nghiệp ĐMST, các trường ĐH sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ để đóng vai trò là yếu tố nền tảng quan trọng trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam trong bối cảnh mới. Trong thời gian tới, các tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu để đưa ra mô hình hợp tác thích hợp giữa trường ĐH và DN nhằm hỗ trợ tốt hơn cho các DN khởi nghiệp, thúc đẩy hệ sinh thái KNDMST phát triển.

## Lời cảm ơn

Kết quả nghiên cứu này là sản phẩm khoa học của Đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo “**Đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong việc hình thành các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo**”, mã số **CT.2019.07.06** thuộc Chương trình **CT.2019.07**.

## Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018), *Tài liệu tham khảo hỗ trợ khởi nghiệp dành cho cán bộ hỗ trợ khởi nghiệp*, Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Novaedu.
- Chính phủ. (2019), “Luật Giáo dục Việt Nam”, *Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=197310](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=197310), truy cập ngày 10/01/2021.
- Chung, T. (2018), “90% doanh nghiệp khởi nghiệp thất bại do đâu”, *Báo điện tử đài tiếng nói Việt Nam VOV*, <https://vov.vn/kinh-te/90-doanh-nghiep-khoi-nghiep-that-bai-do-dau-813498.vov>, truy cập ngày 10/01/2021.
- Dominic, M. (2018), “Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam: nhìn từ kinh nghiệm thế giới”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, <http://kinhtevedubao.vn/chi-tiet/146-10707-phat-trien-he-sinh-thai-khoi-nghiep-o-viet-nam--nhin-tu-kinh-nghiem-the-gioi.html>, truy cập ngày 10/01/2021.
- Đình, V.T. (2016), “Hợp tác đại học - doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, Tập 32, Số 4, tr. 69 - 80.
- Đình, T.N.Q., Phạm, T.P.T. & Nguyễn, T.T.T. (2020), “Hợp tác giữa CSGDĐH và doanh nghiệp trong việc hình thành các TTKNST - kinh nghiệm một số nước Châu Á”, bài tham luận tại *Hội thảo “Phương thức hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập”*, tháng 12/2020, Hà Nội.
- Etzkowitz, H. & Leydesdorff, L. (1995), “The Triple Helix: university-industry-government relations: a laboratory for knowledge-based economic development”, *EASST Review*, Vol. 14, pp. 14 - 19.
- Fiaz, M. (2013), “An empirical study of university-industry R&D collaboration in China: implications for technology in society”, *Technology in Society*, Vol. 35, pp. 191 - 202.
- Guimón, J. (2013), “Promoting university - industry collaboration in developing countries”, *Public Policy Brief*, World Bank, Washington D.C.
- Gulbrandsen, M. & Nerdrum, L. (2007), “University - Industry relations in Norway”, *Project Innovation, Path - dependency and Policy*, University of Oslo.
- ITP. (2018), “Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp trong lòng đại học”, *Khu Công nghệ phần mềm Đại học Quốc gia TP.HCM*, <https://itp.vn/vi/tin-tuc/khoi-nghiep/1496-xay-dung-he-sinh-thai-khoi-nghiep-trong-long-dai-hoc.html>, truy cập ngày 10/01/2021.
- ISEV. (2020), “Hệ sinh thái khởi nghiệp là gì?”, *Trang chủ đề án 844*, <http://dean844.most.gov.vn/gioi-thieu.htm>, truy cập ngày 05/01/2021.
- Ngô, B.C., Pierre, D., Cao, H.T., Hoàng, T., Nguyễn, X.X. & Phạm, X.Y. (2011), *Đại học Humboldt 200 năm (1810-2010): Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam*, NXB Tri Thức.
- Nguyễn, N.T. (2020), “Khởi nghiệp sáng tạo tại Đức”, *Trang Ngoại giao kinh tế trực tuyến*, <https://ngkt.mofa.gov.vn/khoi-nghiep-sang-cao-tai-duc/>, truy cập ngày 10/01/2021.

- Nguyễn, Q.C. & Nguyễn, T.T.H. (2017), “Mô hình Ba Nhà”, *Sở Khoa học Công nghệ Bình Dương*, [http://sokhcn.binhduong.gov.vn/ImageUpload/file/8\\_%20Mo%20hinh%20%20nha%20.pdf](http://sokhcn.binhduong.gov.vn/ImageUpload/file/8_%20Mo%20hinh%20%20nha%20.pdf), truy cập ngày 10/01/2021.
- Nguyễn, T.T. & Cao, M.H. (2017a), “Hệ sinh thái khởi nghiệp - một số kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam - phần 1”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, Số 95, tr. 23 - 37.
- Nguyễn, T.T. & Cao, M.H. (2017b), “Hệ sinh thái khởi nghiệp - một số kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam - phần 2”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, Số 97, tr. 58 - 72.
- Nguyễn, T.T. & Đào, M.A. (2014), “Quản trị đại học tại Hoa Kỳ và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, Số 61, tr. 95 - 106.
- Phạm, T.T.H. (2018), “Khởi nghiệp và cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Công Thương*, <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/khoi-nghiep-va-co-hoi-cho-doanh-nghi-ep-viet-nam-54290.htm>, truy cập ngày 10/01/2021.
- Ranga, M. & Etzkowitz, H. (2013), “Triple Helix systems: an analytical framework for innovation policy and practice in the Knowledge Society”, *Industry and Higher Education*, Vol. 27 No. 3, pp. 237 - 262.
- Ranga, M., Hoareau, C., Durazzi, N., Etzkowitz, H., Marcucci, P. & Usher, A. (2013), “Study on University - Business Cooperation in the US and Canada”, Final Report to the European Commission, DG Education and Culture.
- Rupika, A.U. & Singh, V.K. (2016) “Measuring the university- industry- government collaboration in Indian research output”, *Current Science*, Vol. 110 No. 10, pp. 1904 - 1909.
- Tijssen, R., Lamers, W. & Yegros, A. (2017), “UK universities interacting with industry: patterns of research collaboration and inter-sectoral mobility of academic researchers”, Centre for Global Higher Education working paper series, Working paper No. 14.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016), Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016.
- Trần, M.T. & Dương, T.H.N. (2020), “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Ngoại thương”, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, Số 130, tr. 1 - 16.
- Vũ, T.V. & Vũ, H.T. (2020), “Thực trạng hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp và một số kiến nghị”, *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 2 - Tháng 6/2020, tr. 49 - 51.